TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 112/2023/DS-PT
Ngày 21/12/2023
"V/v tranh chấp hợp đồng đặt cọc"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Huy Cẩn

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Thúy Mai, ông Nguyễn Xuân Trọng

- ***Thư ký phiên toà:*** Ông Hoàng Văn Hải - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa***: Bà Hà Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 103/2023/TLPT-DS ngày 01/11/2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng đặt cọc".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2023/DS-ST ngày 14/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 111/2023/QĐ-PT ngày 14/11/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Trần Văn N, sinh năm 1980;

Cư trú tại: Tổ dân phố V, thị trấn B, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người đại diện hợp pháp của ông N: Ông Phạm Tiến T, sinh năm 1991 (có mặt).

Cư trú tại: Số 32a, đường Nguyễn Trãi, phường Liên Bảo, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, (Theo văn bản ủy quyền ngày 16/9/2019).

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị Ch, sinh năm 1970.

Cư trú tại: Tổ dân phố V, thị trấn B, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người đại diện hợp pháp của bà Ch: Ông Dương Minh Đ, sinh năm 1987 (có mặt).

Cư trú tại: Tổ dân phố V, thị trấn B, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc, (Theo văn bản ủy quyền ngày 27/3/2023).

- *Người làm chứng:*

1. Ông Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1980 (có mặt).

Cư trú tại: Tổ dân phố V, thị trấn B, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.

2. Ông Trần Văn C, sinh năm 1954 (có mặt).

Cư trú tại: Tổ dân phố V, thị trấn B, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị Ch là bị đơn.

- *Viện kiểm sát kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 16/12/2019 và lời khai trong quá trình tố tụng nguyên đơn ông Trần Văn N và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phạm Tiến Tùng trình bày:

Do có mối quan hệ là người nhà bên vợ ông Nguyễn Văn Ch (em trai bà Nguyễn Thị Ch) và biết bà Ch được Ủy ban nhân dân huyện Bình Xuyên giao 01 thửa đất dịch vụ giãn dân muốn chuyển nhượng nên ngày 06/02/2019, ông và bà Ch thỏa thuận ký kết hợp đồng đặt cọc để chuyển nhượng 100m^2 đất ở thuộc quyền sử dụng của bà Nguyễn Thị Ch. Theo nội dung hợp đồng, hai bên thỏa thuận đặt cọc tiền để chuyển nhượng tài sản là thửa đất tại địa chỉ: Khu đất giãn dân, Tổ dân phố V, thị trấn B, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc có diện tích 100m^2 (Theo Quyết định số 338/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân huyện Bình Xuyên ban hành ngày 01/02/2019). Giá cả chuyển nhượng được hai bên thỏa thuận là 50.000.000 đồng và toàn bộ nghĩa vụ đóng thuế cho nhà nước bao gồm tiền thuế thu nhập cá nhân và lệ phí trước bạ. Thực hiện thỏa thuận, ông đã đặt cọc cho bà Ch số tiền 50.000.000 đồng. Số tiền còn lại, khi nào có thông báo thuế của cơ quan nhà nước ông sẽ có trách nhiệm nộp thay cho bà Ch và bà Ch có nghĩa vụ chuyển nhượng sang tên quyền sử dụng đất cho ông khi được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 27/11/2019, bà Ch đã được Uỷ ban nhân dân huyện Bình Xuyên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT507342, thửa đất số 818, tờ bản đồ số 20, diện tích 100m^2 nêu trên. Sau khi bà Ch đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông đã nhiều lần gặp và yêu cầu bà Ch thực hiện nghĩa vụ chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông. Tuy nhiên, bà Ch đã không thực hiện nghĩa vụ chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên cho ông như đã thỏa thuận trong hợp đồng đặt cọc.

Vì vậy, ông khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên giải quyết buộc bà Ch phải thực hiện nghĩa vụ chuyển nhượng cho ông thửa đất số 818, tờ bản đồ số 20, diện tích 100m^2 nêu trên. Trong trường hợp bà Ch không

thực hiện nghĩa vụ, đề nghị Tòa án buộc bà Ch có nghĩa vụ trả lại ông số tiền đã đặt cọc là 50.000.000 đồng và bồi thường gấp 20 lần tiền đặt cọc như đã thỏa thuận cho ông là 950.000.000 đồng. Tổng cộng là 1.000.000.000 đồng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Ch và đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Dương Minh Đ trình bày:

Bà cho rằng bản thân không biết gì về nội dung đặt cọc giữa bà và ông N, bà thừa nhận việc mình có ký kết vào một số giấy tờ do ông N đưa đến. Tuy nhiên, khi hai bên tranh chấp ra Ủy ban nhân dân xã Bá Hiến, ông N xuất trình hợp đồng đặt cọc ngày 06/02/2019 và giấy biên nhận tiền chuyển nhượng lúc đó bà mới biết. Khi ông N đưa bà ký, bà không đọc nội dung hợp đồng và cũng không được nhận số tiền đặt cọc là 50.000.000 đồng của ông N. Số tiền 50.000.000 đồng đặt cọc mà ông N nói là đưa cho em trai bà là Nguyễn Văn Ch, số tiền trên em trai bà đã trả lại cho ông N. Vì vậy, bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người làm chứng ông Nguyễn Văn Ch trình bày: Ông là em ruột bà Ch, là bạn với ông N. Ông và ông N có đi làm thủ tục cấp đất giãn dân ở thôn V, thị trấn B, huyện Bình Xuyên. Trong quá trình đi làm hồ sơ xin cấp đất giãn dân ông và ông N có đi làm cùng nhau nhưng suất đất của ông không được cấp. Ông N và ông thỏa thuận ông N đưa cho ông 50.000.000 đồng để làm hồ sơ đã xin xã làm thủ tục cấp đất, hai vợ chồng ông N có cầm 50.000.000 đồng xuống đưa ông, ông có cầm không ký bất kỳ giấy tờ gì. Được vài tháng sau ông N điện cho ông bảo bà Ch ký hộ ông N một số giấy tờ, cụ thể ký giấy tờ gì ông không biết. Không có việc bà Ch nhận 50.000.000 đồng tiền cọc của ông N. Sau khi làm xong hồ sơ của bà Ch thì ông cầm tiền trả ông N, không ký giấy tờ gì.

Người làm chứng ông Trần Văn C trình bày: Ông là bố vợ anh N. Ông là người cầm 50.000.000 đồng mà anh Ch bỏ lại nhà anh N. Ông cầm để trả lại cho anh Ch nhưng vẫn chưa trả được do anh Ch không lấy. Cầm ngày tháng nào thì ông không nhớ. Thậm chí ông còn ra nhà anh Cửu (anh trai anh Ch, chị Ch) để làm việc trả lại và tham gia hòa giải nhưng vẫn không thành.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2020/DS-ST ngày 30/11/2020, Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh phúc quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn N. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Ch phải có nghĩa vụ trả cho ông Trần Văn N tổng số tiền là 525.000.000 đồng. Trong đó: Số tiền đặt cọc là 50.000.000 đồng và bồi thường số tiền phạt cọc là 475.000.000 đồng.

Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về lãi suất chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn ông Trần Văn N kháng cáo không đồng ý với phán quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên khi xác định lỗi hỗn hợp và buộc bà Ch phải bồi thường cho nguyên đơn 525.000.000 đồng. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm buộc bà Ch phải thanh toán tiền đặt cọc và tiền phạt cọc là 1.000.000.000 đồng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Ch kháng cáo không đồng ý với quyết định của Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm bà Ch thay đổi nội dung kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nam.

Tại Quyết định kháng nghị số: 03/QĐKNPT-VKS-DS ngày 29/12/2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đã kháng nghị Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2020/DS-ST ngày 30/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên đề nghị sửa bản án sơ thẩm.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 46/2021/DS-PT ngày 21/9/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đã quyết định:

Không chấp nhận kháng nghị nêu trên của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Ch.

Chấp nhận toàn bộ kháng cáo của ông Trần Văn N. Sửa bản án số 20/2020/DS-ST ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn N. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Ch phải thực hiện nghĩa vụ của hợp đồng đặt cọc mà hai bên giao kết ngày 06/02/2019 là trả cho ông Trần Văn N tổng số tiền là 1.000.000.000 đồng. Trong đó, số tiền đặt cọc là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) và bồi thường số tiền phạt cọc là 950.000.000 đồng (Chín trăm năm mươi triệu đồng).

Tòa án cấp phúc thẩm còn quyết định về án phí, trách nhiệm chậm thi hành án.

Sau khi xét xử phúc thẩm, bà Nguyễn Thị Ch có đơn đề nghị xem xét lại Bản án dân sự phúc thẩm nêu trên theo thủ tục giám đốc thẩm.

Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 15/2022/KN-DS ngày 13/5/2022, Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội kháng nghị đối với Bản án dân sự phúc thẩm số 46/2021/DS-PT ngày 21/9/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc; đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử giám đốc thẩm hủy toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm số 46/2021/DS-PT ngày 21/9/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc và Bản án dân sự sơ

thẩm số 20/2020/DS-ST ngày 30/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên xét xử sơ thẩm lại vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Tại Quyết định giám đốc thẩm số 57/2022/DS-GĐT ngày 28/7/2022, Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội quyết định:

Chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 15/2022/KN-DS ngày 13/5/2022 của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Hủy toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm số 46/2021/DS-PT ngày 21/9/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc và Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2020/DS-ST ngày 30/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc giữa nguyên đơn ông Trần Văn N với bị đơn bà Nguyễn Thị Ch.

Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên xét xử sơ thẩm lại vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2023/DS-ST ngày 14 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn N. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Ch phải thực hiện nghĩa vụ của hợp đồng đặt cọc mà hai bên giao kết ngày 06/02/2019 là trả cho ông Trần Văn N tổng số tiền là 1.000.000.000 đồng. Trong đó: Số tiền đặt cọc là 50.000.000 đồng và bồi thường số tiền phạt cọc là 950.000.000 đồng.

Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về lãi suất chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 22/8/2023 bị đơn bà Nguyễn Thị Ch kháng cáo đề nghị Toà án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Quyết định kháng nghị số: 57/QĐKNPT-VKS-DS ngày 29/8/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh phúc đã kháng nghị Bản án số 11/2023/DS-ST ngày 14/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Quá trình xét xử phúc thẩm và tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh phúc giữ nguyên kháng nghị, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc: Tòa án cấp phúc thẩm đã tiến hành thụ lý, thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát và mở phiên tòa theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Tại phiên tòa các bên đã tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, việc thỏa thuận của đương sự là tự

nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội; đề nghị Hội đồng xét xử, sửa bản án sơ thẩm công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên, Đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ch trong hạn luật định, việc thụ lý kháng nghị, kháng cáo đúng quy định nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc có nội dung Hợp đồng đặt cọc ngày 6/02/2019 giữa ông Trần Văn N với bà Nguyễn Thị Ch là giả tạo, không có giá trị pháp lý, không phát sinh nghĩa vụ phạt cọc; tại phiên tòa phúc thẩm ngày 17/9/2021 và phiên tòa ngày 14/8/2023 ông N đã thừa nhận ông Chương có đem trả 50.000.000 đồng cho ông N tại nhà ông N, thể hiện bà Ch không nhận tiền 50.000.000 đồng của anh Nam nhưng Tòa án cấp sơ thẩm vẫn buộc bà Ch phải trả lại tiền cọc 50.000.000 đồng là không có căn cứ; việc phạt cọc 950.000.000 đồng là không đúng, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của bà Ch; đề nghị Tòa án nhân dân nhân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm theo hướng sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2023/DS-ST ngày 14/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên. Kháng cáo của bà Nguyễn Thị Ch đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm nêu trên theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Trần Văn N.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án, cụ thể:

[4] Bà Nguyễn Thị Ch đồng ý tự nguyện thanh toán số tiền bồi thường, phạt cọc cho ông Trần Văn N với số tiền là 350.000.000 đồng. Ông N đồng ý nhận số tiền bồi thường, phạt cọc là 350.000.000 đồng bà Ch tự nguyện thanh toán.

[5] Đối với số tiền đặt cọc ông N xác nhận đã nhận lại 50.000.000 đồng mà ông Ch bỏ lại nhà ông N do ông Trần Văn C (là bố vợ ông N) nhận, bà Ch xác nhận số tiền 50.000.000 đồng mà ông Ch bỏ lại nhà ông N là tiền gốc đặt cọc bà Ch đã trả cho ông N.

[6] Ngày 21/12/2023, bà Ch đã tự nguyện thanh toán, ông N xác nhận ngày 21/12/2023 bà Ch đã thanh toán xong cho ông N đủ số tiền 350.000.000 đồng.

[7] Việc thỏa thuận giữa các đương sự là tự nguyên, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội. Căn cứ Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử phúc thẩm ra bản án phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm và công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Do các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét đến nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh phúc và kháng cáo của bà Ch.

[8] Về án phí: Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận thống nhất nguyên đơn và bị đơn mỗi bên chịu ½ án phí dân sự sơ thẩm. Đối với số tiền 21.000.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm ông N nộp theo Biên lại thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0006062 ngày 15/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc đã được Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Xuyên trả lại cho ông Trần Văn N trong quá trình thi hành Bản án dân sự phúc thẩm số 46/2021/DS-PT ngày 21/9/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc. Bà Ch chịu trách nhiệm nộp án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 148, Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 11/2023/DS-ST ngày 14/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

Bà Nguyễn Thị Ch có nghĩa vụ thanh toán cho ông Trần Văn N số tiền bồi thường, phạt cọc là 350.000.000 đồng. Ghi nhận bà Nguyễn Thị Ch đã thanh toán xong số tiền 350.000.000 đồng cho ông Trần Văn N ngày 21/12/2023.

Ghi nhận ông Trần Văn N đã nhận lại tiền đặt cọc cho bà Nguyễn Thị Ch là 50.000.000 đồng (số tiền này ông Nguyễn Văn Ch bỏ lại nhà ông Trần Văn N do ông Trần Văn C là bố vợ ông N nhận đưa cho ông N).

2. Về án phí:

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Văn N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 8.750.000 đồng. Bà Nguyễn Thị Ch phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 8.750.000 đồng.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Ch phải chịu án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng, được trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm

đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000204 ngày 20/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự và Luật sửa đổi một số điều của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- TAND huyện Bình Xuyên;
- Chi cục THADS H. Bình Xuyên;
- Các đương sự trong vụ án;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Huy Cẩn